

Số: /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính trọng tâm tỉnh Ninh Thuận năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 240/QĐ-TTg ngày 04/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch cải cách thủ tục hành chính trọng tâm năm 2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 03/TTr-VPUB ngày 12/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính trọng tâm tỉnh Ninh Thuận năm 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tổ chức thực hiện Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch và tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện, các vấn đề phát sinh,

vướng mắc của các Sở, ngành, địa phương, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Báo NT, Đài PTTH tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Hội Doanh nhân trẻ tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH, VXNV, TCD;
- Lưu: VT. TTPVHCC. HTHG.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Long Biên

KẾ HOẠCH

Triển khai nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính trọng tâm tỉnh Ninh Thuận năm 2025

Nhằm tập trung triển khai có hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm về cải cách thủ tục hành chính giao theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ; Quyết định số 240/QĐ-TTg ngày 04/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch cải cách thủ tục hành chính trọng tâm năm 2025 và Công văn số 476/VPCP-KSTT ngày 16/01/2025 của Văn phòng Chính phủ về việc triển khai nhiệm vụ, chỉ tiêu giao tại các Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính trọng tâm của tỉnh Ninh Thuận năm 2025, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt, triển khai chỉ đạo của Bộ Chính trị về công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC) tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và các nhiệm vụ, giải pháp theo yêu cầu của Quốc hội tại Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 và các chương trình, kế hoạch, đề án, văn bản được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành, bảo đảm thực hiện có kết quả, hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra trong năm 2025 và giai đoạn 2021-2025.

2. Tăng cường kiểm soát chặt chẽ việc ban hành quy định TTHC trong các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (QPPL); thực hiện nghiêm việc đánh giá tác động chính sách, TTHC trong lập đề nghị, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, nâng cao hiệu quả việc tham vấn đối tượng chịu tác động, công tác thẩm định, thẩm tra theo quy định của pháp luật.

3. Đổi mới toàn diện việc giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu.

4. Gắn kết chặt chẽ giữa cải cách TTHC với chuyển đổi số, triển khai Đề án 06, hiện đại hóa công tác chỉ đạo, điều hành, phục vụ người dân, doanh nghiệp, tạo ra những chuyển biến mạnh mẽ, đổi mới tư duy, hành động; áp dụng các thành tựu khoa học, công nghệ, phương pháp tiên tiến và mạnh dạn thí điểm các sáng kiến, giải pháp mới đáp ứng yêu cầu thực tiễn và xu thế phát triển.

5. Nêu cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn trong chỉ đạo

thực hiện, ưu tiên nguồn lực triển khai và xác định kết quả triển khai Kế hoạch này là một trong các căn cứ để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, kiểm soát TTHC của các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn năm 2025.

6. Đảm bảo thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, trọng tâm là việc giải quyết TTHC trên môi trường điện tử và nâng cao số lượng, chất lượng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) tích hợp trên Cổng dịch vụ công (DVC) Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

7. Thực hiện chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử thông qua việc sử dụng các nền tảng, dữ liệu số được kết nối, chia sẻ đồng bộ thông suốt giữa các bộ, ngành, địa phương và trong nội bộ cơ quan, tổ chức.

8. Thay đổi nhận thức của người dân, doanh nghiệp về giá trị pháp lý của văn bản điện tử để người dân, doanh nghiệp tin tưởng, lựa chọn phương thức giao dịch TTHC trực tuyến bằng văn bản điện tử nhằm đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của tiến trình xây dựng, phát triển chính quyền số trên địa bàn tỉnh.

9. Cải thiện, nâng cao chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, DVC theo thời gian thực trên môi trường điện tử và hoàn thành nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cho tỉnh về công tác này.

10. Chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, khắc phục ngay những tồn tại, hạn chế, yếu kém trong thực thi công vụ; nâng cao chất lượng giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức các Sở, ngành, địa phương.

II. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Cải cách các quy định TTHC, quy định kinh doanh:

a) Tập trung Kiểm soát quy định TTHC ngay từ khâu xây dựng văn bản QPPL:

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh khi xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính phải kiểm soát chặt chẽ, thực hiện nghiêm việc đánh giá tác động chính sách, thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả việc tham vấn đối tượng chịu sự tác động; tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến thẩm định, thẩm tra. Thường xuyên theo dõi, giám sát việc thực hiện chính sách, các quy định thủ tục hành chính sau khi được ban hành; kịp thời phát hiện vướng mắc để tham mưu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Sở Tư pháp, phòng Tư pháp làm tốt công tác thẩm định quy định về thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của tỉnh, bảo đảm các thủ tục hành chính được ban hành thật sự cần thiết, hợp pháp, hợp lý, khả thi với chi phí tuân thủ thấp nhất.

Văn phòng UBND tỉnh thực hiện thẩm tra, có ý kiến độc lập về quy định thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do các sở, ban, ngành tham mưu trình HĐND, UBND tỉnh ban hành. Tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị

của người dân, doanh nghiệp về quy định thủ tục hành chính để rà soát, đánh giá, báo cáo cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh hoặc những thủ tục còn bất cập trong quá trình triển khai.

b) Cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước

Kiên quyết cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước để nâng cao hiệu quả thực thi công vụ, khơi thông nguồn lực, phát triển kinh tế - xã hội theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ tại văn bản số 5990/VPCP-KSTT ngày 22 tháng 8 năm 2024;

Xác định đúng phạm vi, thẩm quyền ban hành TTHC nội bộ để rà soát, đơn giản hóa theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án đơn giản hóa, bảo đảm mục tiêu, yêu cầu đề ra tại Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ;

Các Sở, ban, ngành tập trung xây dựng dự thảo, trình UBND sửa đổi, bổ sung văn bản để thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt;

Rà soát, tái cấu trúc quy trình các TTHC nội bộ trên các lĩnh vực: Kế hoạch; chiến lược; nhân sự; tài chính - kế toán; văn thư lưu trữ; tài sản; thi đua - khen thưởng; hành chính, tổng hợp và các lĩnh vực khác bảo đảm quy định đầy đủ, rõ ràng, cụ thể, hợp lý các bộ phận tạo thành cơ bản của TTHC theo quy định theo quy định của các nghị định về kiểm soát thủ tục hành chính. **Thời hạn hoàn thành trong tháng 12 năm 2025.**

2. Đổi mới việc thực hiện, giải quyết TTHC, cung cấp DVC phục vụ người dân, doanh nghiệp:

a) Công bố, công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác các thủ tục hành chính trên cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính theo quy định; thực hiện nghiêm việc gửi, nhận văn bản điện tử, xử lý hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử; 100% hồ sơ thủ tục hành chính phải được tiếp nhận, giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và liên thông, đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia để người dân, doanh nghiệp theo dõi, đánh giá quá trình thực hiện.

b) Tổ chức triển khai đổi mới toàn diện việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính ngay sau khi được Chính phủ phê duyệt.

c) Đẩy mạnh triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần; phấn đấu đến hết năm 2025 đạt 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình; tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến; khuyến khích người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; giảm tối đa thời gian, chi phí đi lại cho việc gửi hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính của các tổ chức, cá nhân; tăng tính công khai, minh bạch khi giải quyết thủ tục hành chính; nâng cao trách nhiệm, trình độ chuyên môn và kiến thức về công nghệ thông tin của cán bộ công chức được phân công xử lý hồ sơ thủ tục hành chính, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội,

gắn cải cách thủ tục hành chính với chuyển đổi số quốc gia.

d) Đẩy nhanh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP; làm sạch dữ liệu, gắn việc số hóa với thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa thông qua kết nối, chia sẻ dữ liệu với Kho quản lý dữ liệu cá nhân, tổ chức trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

đ) Thúc đẩy triển khai Đề án 06, nhất là việc tháo gỡ các điểm nghẽn trong quá trình triển khai và nâng cấp các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành, kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tiếp tục đơn giản hóa giấy tờ khi thực hiện thủ tục hành chính và đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến.

e) Nâng cấp hạ tầng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin và kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành để giải quyết thủ tục hành chính, cấp kết quả điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp.

g) Định kỳ hằng tháng công khai kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp của các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ;

h) Thực hiện kiểm tra công tác cải cách, kiểm soát thủ tục hành chính, việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, trong đó tập trung kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị cấp xã.

3. Chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử gắn với cải cách TTHC

a) Thực hiện nghiêm Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước. Rà soát các chế độ báo cáo bảo đảm chỉ ban hành những chế độ báo cáo thật sự cần thiết; cắt giảm các chế độ báo cáo đã được thay thế bằng dữ liệu số có sẵn từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; triển khai báo cáo điện tử đối với các chế độ báo cáo trong nội bộ cơ quan; từng bước chuyển sang báo cáo tự động, dựa trên dữ liệu và theo thời gian thực, hoàn thành trong Quý III năm 2025.

b) Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo hướng tới hình thành Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của tỉnh kết nối với Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định. Hoàn thành trong Quý III năm 2025

c) Triển khai Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh kết nối với hệ thống Trục liên thông văn bản quốc gia, Hệ thống theo dõi nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao bảo đảm hoạt động chỉ đạo, điều hành trực tuyến, dựa trên dữ liệu và toàn trình. Hoàn thành trong Quý III năm 2025

d) Thực hiện nghiêm việc gửi, nhận văn bản điện tử có ký số; xử lý hồ sơ, công việc toàn trình trên môi trường điện tử; chấm dứt tình trạng vừa xử lý hồ sơ giấy vừa xử lý hồ sơ điện tử. Hoàn thành trong Quý III năm 2025

(Nội dung, chỉ tiêu cụ thể trong Phụ lục chỉ tiêu cụ thể về cải cách TTHC gắn liền với chuyển đổi số năm 2025 ban hành kèm theo Kế hoạch)

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Ban Quản lý các Khu công nghiệp; UBND các huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn (do UBND các huyện, thành phố chỉ đạo):

a) Tập trung, khẩn trương đề ra các giải pháp triển khai thực hiện bảo đảm các chỉ tiêu được giao tại Phụ lục đính kèm Kế hoạch này; Quán triệt, triển khai Kế hoạch này đến từng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc thẩm quyền quản lý;

b) Tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong giải quyết TTHC, phục vụ Nhân dân; Tăng cường kiểm soát quy định thủ tục hành chính ngay trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; chú trọng việc tham vấn đối tượng chịu tác động bảo đảm chỉ ban hành các quy định đúng thẩm quyền, cần thiết, hợp lý, thực hiện trên môi trường điện tử và chi phí tuân thủ thấp nhất. Trong đó, phát huy vai trò của Sở Tư pháp trong việc thẩm định và của Văn phòng UBND tỉnh trong việc thẩm tra quy định về thủ tục hành chính, quy định kinh doanh tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật;

c) Chủ động phối hợp triển khai có hiệu quả việc đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông; tập trung nguồn lực thực hiện tốt công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa và kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin;

d) Rà soát, đánh giá, tái cấu trúc quy trình TTHC, DVCTT, trong trường hợp quy trình TTHC chưa đáp ứng để xây dựng quy trình trên môi trường điện tử hoặc quy trình bộ, ngành ban hành chưa phù hợp với thực tế thì cần có văn bản kiến nghị bộ, ngành đề điều chỉnh kịp thời; ưu tiên xây dựng, tích hợp, cung cấp các nhóm DVCTT toàn trình liên thông giữa các cơ quan, đơn vị hướng đến thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính;

đ) Mạnh dạn áp dụng các sáng kiến, ứng dụng khoa học, công nghệ, phương pháp tiên tiến trong triển khai các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; tăng cường phối hợp, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm trong triển khai với các địa phương khác; chú trọng công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác cải cách thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp; đẩy mạnh công tác truyền thông trong cải cách thủ tục hành chính để người dân, doanh nghiệp biết và đồng hành cùng cơ quan hành chính;

e) Định kỳ hằng tháng báo cáo tình hình, kết quả triển khai thực hiện Công văn này lồng ghép vào mục “4. Tình hình, kết quả triển khai nhiệm vụ cải cách thủ

tục hành chính” vào phần I của Báo cáo tình hình và kết quả thực hiện công tác cải cách TTHC định kỳ gửi về Văn phòng ủy ban tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Tiếp tục phối hợp, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị triển khai các nội dung nêu trên; Phối hợp với các cơ quan liên quan đôn đốc, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện Kế hoạch này.

b) Nghiên cứu đưa các hoạt động quản trị nội bộ, chỉ đạo, điều hành của tỉnh lên môi trường số; nâng cao chất lượng DVCTT hướng đến cá nhân hóa DVCTT dựa trên dữ liệu người dùng.

c) Chủ động nâng cấp hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ từ trung ương tới địa phương phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số hiện nay, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, đẩy mạnh kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến.

d) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí đẩy mạnh công tác tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng, các quy trình thực hiện DVCTT; tuyên truyền các mô hình tốt, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả trong triển khai thực hiện Kế hoạch này.

3. Sở Nội vụ:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan sửa đổi, bổ sung Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC trong đó các chỉ tiêu được giao tại Kế hoạch này là một trong các tiêu chí để chấm điểm chỉ số cải cách hành chính năm 2025 đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các đơn vị có liên quan kiểm tra công tác cải cách hành chính, cải cách TTHC năm 2025 đối với các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn.

4. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xem xét, cân đối, tham mưu bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch này đúng theo quy định hiện hành.

5. Sở Tư pháp: Chủ động, tăng cường hơn nữa công tác thẩm định quy định TTHC tại các đề nghị, dự án, dự thảo văn bản QPPL bảo đảm chỉ ban hành TTHC thật sự cần thiết, hợp lý, hợp pháp và chi phí tuân thủ thấp nhất.

6. Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh):

a) Chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng nội dung, tiến độ đối với các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, kịp thời báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

b) Định kỳ hằng tháng tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh công khai chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, DVC theo thời gian thực trên môi trường điện tử của các cơ quan, đơn

vị theo quy định (trong đó có các chỉ tiêu nêu trên) để làm cơ sở cho các cơ quan, đơn vị, địa phương biết phát huy những kết quả đạt được và khắc phục ngay từ đầu năm những hạn chế;

c) Tổ chức thực hiện nghiêm việc tiếp nhận, xử lý, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về quy định, TTHC; tổ chức kiểm tra, xác minh, làm rõ hành vi những nhiễu, gây khó khăn trong giải quyết TTHC và xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có liên quan theo đúng quy định; kịp thời chấn chỉnh việc giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của Sở, ban, ngành, địa phương;

d) Tổ chức rà soát, tổng hợp những đề xuất, kiến nghị, khó khăn vướng mắc trong giải quyết TTHC của các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn gửi cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết;

7. Công an tỉnh phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông để thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chỉ tiêu được giao tại Kế hoạch này; kết hợp việc triển khai Đề án 06 với việc thúc đẩy hiệu quả sử dụng DVCTT trên địa bàn tỉnh.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên tích cực tìm hiểu, khai thác sử dụng DVCTT của tỉnh.

9. Các cơ quan báo chí; Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh; Trang/Cổng thông tin điện tử các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các huyện, thành phố đẩy mạnh tuyên truyền, đăng tải, phát các nội dung liên quan đến việc cung cấp và sử dụng DVCTT./.

Phụ lục
**CHỈ TIÊU CỤ THỂ VỀ CÁI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH GẮN VỚI
CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2025**

(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2025
của UBND tỉnh Ninh Thuận)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2025	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan chủ trì đánh giá
1	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC có đủ điều kiện trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc theo Quyết định công bố TTHC đủ điều kiện của Bộ, ngành.	%	Tối thiểu 80	Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn	Văn phòng UBND tỉnh (CQKSTTHC)
2	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công.			Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND huyện, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh (CQKSTTHC)
2.1	<i>Đối với cấp tỉnh</i>	%	<i>Tối thiểu 60</i>		
2.2	<i>Đối với cấp huyện</i>	%	<i>Tối thiểu 45</i>		
2.3	<i>Đối với cấp xã</i>	%	<i>Tối thiểu 35</i>		
<i>Riêng đối với huyện Bắc Ái, các xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giảm 10% so với tiêu chí chuẩn</i>					
3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết TTHC.			Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND huyện, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh (CQKSTTHC)
3.1	<i>Đối với cấp tỉnh</i>	%	<i>Tối thiểu 75</i>		
3.2	<i>Đối với cấp huyện</i>	%	<i>Tối thiểu 75</i>		
3.3	<i>Đối với cấp xã</i>	%	<i>Tối thiểu 75</i>		
4	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.			Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND	Văn phòng UBND tỉnh

				huyện, thành phố	(CQKSTTHC)
4.1	<i>Đối với cấp tỉnh</i>	%	<i>Tối thiểu 90</i>		
4.2	<i>Đối với cấp huyện</i>	%	<i>Tối thiểu 85</i>		
4.3	<i>Đối với cấp xã</i>	%	<i>Tối thiểu 80</i>		
5	Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ TTHC được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	%	100	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh (CQKSTTHC)
6	Tỷ lệ dữ liệu thực hiện nhiệm vụ được theo dõi, giám sát đến từng cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ	%	100	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh
7	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc (trừ hồ sơ mật) trên môi trường mạng			Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND huyện, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh (CQKSTTHC)
7.1	<i>Đối với cấp tỉnh</i>	%	<i>100</i>		
7.2	<i>Đối với cấp huyện</i>	%	<i>98</i>		
7.3	<i>Đối với cấp xã</i>	%	<i>96</i>		
8	<i>Tỷ lệ thông tin, số liệu về tình hình xử lý, kết quả xử lý văn bản, hồ sơ công việc của địa phương theo nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được đồng bộ với các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ qua Trục liên thông văn bản quốc gia.</i>	%	<i>100</i>	Sở Thông tin và Truyền thông	
9	<i>Tỷ lệ Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh được kết nối với Hệ thống quản lý văn bản và điều hành để đồng bộ kết quả giải quyết thủ tục hành chính giữa 02 hệ thống</i>	%	<i>100</i>	Sở Thông tin và Truyền thông	
10	<i>Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử</i>	%	<i>100</i>	<i>Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND huyện, thành phố;</i>	<i>Văn phòng UBND tỉnh (CQKSTTHC)</i>

				<i>UBND các xã, phường, thị trấn.</i>	
11	<i>Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa</i>	<i>%</i>	<i>Tối thiểu 50</i>	<i>Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn.</i>	<i>Văn phòng UBND tỉnh (CQKSTTHC)</i>
12	<i>Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần</i> <i>(Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ)</i>	<i>%</i>	<i>Tối thiểu 80</i>	<i>Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn.</i>	<i>Văn phòng UBND tỉnh (CQKSTTHC)</i>
13	<i>Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình</i> <i>(Công văn số 4338/BTTTT-CĐSQG ngày 14/10/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông)</i>	<i>%</i>	<i>Tối thiểu 70%</i>	<i>Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn.</i>	<i>Văn phòng UBND tỉnh (CQKSTTHC)</i>
14	<i>Tỷ lệ xử lý phản ánh hiện trường, xử lý phản ánh kiến nghị trên cổng dịch vụ công quốc gia đúng hạn</i>	<i>%</i>	<i>100</i>	<i>Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn.</i>	<i>Văn phòng UBND tỉnh (CQKSTTHC)</i>
15	<i>Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp.</i>	<i>%</i>	<i>Tối thiểu 90</i>	<i>Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn.</i>	<i>Văn phòng UBND tỉnh (CQKSTTHC)</i>